

Bản án số: 42/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 29 - 9 - 2021

V/v: *Tranh chấp ly hôn*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thọ

Các Hội thẩm nhân dân :

1. Ông Nguyễn Hữu Nghị

2. Ông Nguyễn Văn Trương

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Thanh Mộng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Truyền – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2021, tại phòng xét xử Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 144/2021/TLST-HNGĐ ngày 28/6/2021 về tranh chấp “Ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/2021/QĐXXST - HNGĐ ngày 14 tháng 9 năm 2021 giữa các đương sự.

1. *Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị Chí L (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp P, thị trấn M, huyện C, tỉnh Hậu Giang

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Trường G (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp P, thị trấn M, huyện C, tỉnh Hậu Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn xin ly hôn ngày 23/02/2021 và các văn bản tố tụng nguyên đơn chị Phạm Thị Chí L trình bày:

Chị và anh Nguyễn Trường G tự nguyện kết hôn và đăng ký kết hôn với nhau vào năm 2005. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc với nhau được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh G không biết làm ăn lo cho gia đình, không có trách nhiệm với vợ con. Anh, chị đã ly thân nhau từ tháng 01/2021 đến nay, không ai quan tâm ai.

Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không còn khả năng hàn gắn nên chị L yêu cầu xin ly hôn với anh G.

Về con chung gồm có: Có 01 con chung là cháu Nguyễn Hoàng N, sinh ngày 05/5/2007 hiện đang do chị nuôi dưỡng. Chị yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung, không yêu cầu anh G phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung; Nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa, bị đơn anh Nguyễn Trường G trình bày: Anh thống nhất với lời khai của chị L về quan hệ hôn nhân, về con chung, tài sản chung, nợ chung. Anh thừa nhận sau khi kết hôn và chung sống với nhau được thời gian thì giữa anh, chị có phát sinh về mâu thuẫn gia đình. Anh chị đã ly thân nhau hơn một năm nay, không ai quan tâm đến ai. Nay chị L yêu cầu ly hôn, anh đồng ý. Về con chung, anh thống nhất giao cho chị L nuôi dưỡng. Về tài sản chung, anh không yêu cầu giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu ý kiến: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán – Hội đồng xét xử thực hiện đúng trình tự thủ tục tố tụng, những người tham gia tố tụng nguyên đơn, bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn và nuôi con chung của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay, chị L vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Xét về quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh G thấy rằng chị L và anh G kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện. Anh, chị đăng ký kết hôn với nhau vào năm 2005 tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện C, tỉnh Hậu Giang. Tại thời điểm đăng ký kết hôn anh, chị có đủ điều kiện kết hôn nên xác định đây là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống với nhau giữa anh, chị đã phát sinh mâu thuẫn. Theo chị L nguyên nhân mâu thuẫn là do anh G không biết lo cho gia đình và không có trách nhiệm với vợ, con. Tại phiên tòa, anh G thừa nhận vợ chồng anh chị phát sinh mâu thuẫn gia đình và đã ly thân nhau hơn một năm nay, không ai quan tâm đến ai.

Từ đó xác định mâu thuẫn giữa chị L và anh G đã trầm trọng, nếu kéo dài thêm thời gian thì mối quan hệ hôn nhân cũng không thể nào hàn gắn lại được, tại phiên tòa anh G cũng thống nhất ly hôn nên yêu cầu xin được ly hôn của chị L là có cơ sở để chấp nhận.

[2.2]. Về yêu cầu nuôi con chung: Xét thấy anh chị có 01 con chung là cháu Nguyễn Hoàng N, sinh ngày 05/5/2007, cháu N hiện do chị L nuôi dưỡng. Tại phiên tòa, anh G cũng thống nhất giao cháu N cho chị L nuôi dưỡng Về phía cháu N cũng có ý kiến, nguyện vọng được ở với chị L. Do đó, để ổn định cuộc sống cũng như tôn trọng ý kiến, nguyện vọng của cháu đồng thời phù hợp với ý kiến của anh G và chị L, giao cháu N cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng. Anh G chưa phải cấp dưỡng nuôi con do chị L chưa yêu cầu. Dành quyền thăm và chăm sóc con chung cho anh G không ai có quyền cản trở.

Về tài sản chung: Nguyên đơn, bị đơn chưa yêu cầu giải quyết nên không đề cập xem xét.

Nợ chung: Khai không có, không yêu cầu nên không đề cập xem xét.

Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo quy định tại điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56; Điều 81; Điều 82, 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Điều 147, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Phạm Thị Chí L và anh Nguyễn Trường G.

2. Về nuôi con chung: Giao cho chị Phạm Thị Chí L được nuôi dưỡng cháu Nguyễn Hoàng N, sinh ngày 05/5/2007 cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Anh G chưa phải cấp dưỡng nuôi con. Dành quyền thăm và chăm sóc con chung cho anh G không ai có quyền cản trở.

3. Về tài sản chung: Chưa yêu cầu nên không đề cập xem xét

Nợ chung: Khai không có, không yêu cầu nên không xem xét.

4. Án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Phạm Thị Chí L phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0007879 ngày 28/6/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành. Chị L đã nộp đủ án phí.

5. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án dân sự, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân T. Hậu Giang
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục thi hành án huyện Châu Thành;
- Cơ quan nơi thực hiện đăng ký kết hôn;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN
(đã ký)

LÊ THỊ THỌ